

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Quang	Chủ tịch
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2011)
	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2011)
Ông Nguyễn Văn Hương	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2011)
	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2011)
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên
Ông Phạm Chu Tứ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thế	Giám đốc
Ông Trần Vũ Phương	Phó Giám đốc
Ông Phạm Chu Tứ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Yên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tất Thành	Phó Giám đốc
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2011)
Ông Phạm Đình Nhu	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 22 tháng 02 năm 2012

Số: 037 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 30. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 22 tháng 02 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		718.364.932.882	159.853.914.468
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	256.885.890.793	57.102.914.691
1. Tiền	111		69.658.064.334	37.002.914.691
2. Các khoản tương đương tiền	112		187.227.826.459	20.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		315.698.179.855	37.631.270.964
1. Phải thu khách hàng	131		136.155.220.989	28.845.614.734
2. Trả trước cho người bán	132		12.774.361.998	4.989.790.971
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	88.232.978.632	4.663.005.235
4. Các khoản phải thu khác	135	7	82.308.273.019	779.664.204
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.772.654.783)	(1.646.804.180)
IV. Hàng tồn kho	140	8	120.273.816.440	48.819.807.213
1. Hàng tồn kho	141		120.273.816.440	48.819.807.213
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.507.045.794	6.299.921.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.469.049	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.330.685.239	2.588.308.976
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.564.023.263	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.548.868.243	3.711.612.624
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		947.404.544.407	451.522.551.876
I. Tài sản cố định	220		774.091.482.645	165.291.406.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	748.934.740.520	48.817.959.683
- Nguyên giá	222		809.020.920.450	89.531.500.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.086.179.930)	(40.713.541.100)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	8.090.529.794	-
- Nguyên giá	225		8.988.130.793	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(897.600.999)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	16.969.660.252	16.016.829.022
- Nguyên giá	228		18.228.907.392	16.425.306.715
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.259.247.140)	(408.477.693)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	96.552.079	100.456.617.762
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		55.000.000.000	150.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	150.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	55.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		118.313.061.762	136.231.145.409
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	117.288.325.080	135.330.918.289
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	49.425.682	900.227.120
3. Tài sản dài hạn khác	268		975.311.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.665.769.477.289	611.376.466.344

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.200.110.776.052	352.394.539.035
I. Nợ ngắn hạn	310		752.016.452.936	326.617.785.099
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	289.309.678.284	101.414.858.209
2. Phải trả người bán	312		146.900.387.889	53.911.110.939
3. Người mua trả tiền trước	313		58.872.508.010	27.457.639.937
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	17.323.571.714	18.371.091.001
5. Phải trả người lao động	315		55.231.761.617	64.578.271.069
6. Chi phí phải trả	316	19	175.361.071.887	58.343.685.393
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		7.144.957.066	2.542.428.551
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.872.516.469	(1.300.000)
II. Nợ dài hạn	330		448.094.323.116	25.776.753.936
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	445.648.598.455	25.099.082.811
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		644.554.475	677.671.125
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.801.170.186	-
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		465.658.701.237	258.981.927.309
I. Vốn chủ sở hữu	410		465.658.701.237	258.981.927.309
1. Vốn điều lệ	411	21	375.180.010.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	17.588.336.323	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	4.397.084.080	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	68.493.270.834	58.981.927.309
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.665.769.477.289	611.376.466.344

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2011	31/12/2010
Ngoại tệ các loại		
- USD	20.812,14	9.719,55



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02 - DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.057.522.807.997	489.294.464.313
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.057.522.807.997	489.294.464.313
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	853.181.919.047	329.055.242.933
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		204.340.888.950	160.239.221.380
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		31.136.816.099	8.464.094.094
6. Chi phí tài chính	22		33.363.228.465	8.263.463.969
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.919.645.596	8.263.463.969
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		48.992.422.893	45.903.612.601
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		153.122.053.691	114.536.238.904
9. Thu nhập khác	31		819.253.454	3.007.931.672
10. Chi phí khác	32		6.170.327.205	296.922.739
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.351.073.751)	2.711.008.933
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		147.770.979.940	117.247.247.837
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	38.432.582.406	29.816.447.865
14. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	850.801.438	(303.845.095)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		108.487.596.096	87.734.645.067
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.713	4.702



Nguyễn Đình Thế
 Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Đức Đạt
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	147.770.979.940	117.247.247.837
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.790.332.032	12.538.933.861
Các khoản dự phòng	03	2.125.850.603	196.560.433
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	351.286.350	(54.808.192)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(29.113.072.944)	(8.464.094.094)
Chi phí lãi vay	06	30.919.645.596	8.263.463.969
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	173.845.021.577	129.727.303.814
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(219.888.299.630)	40.710.509.784
(Tăng) hàng tồn kho	10	(71.454.009.227)	(19.765.059.311)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	92.839.640.948	140.847.090.220
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	17.979.124.160	(126.588.911.579)
Tiền lãi vay đã trả	13	(35.397.095.055)	(8.939.279.317)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43.667.469.714)	(14.310.708.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(85.743.086.941)	141.680.944.771
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(478.522.935.443)	(104.097.502.033)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.900.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	(130.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.373.059.682	8.464.094.094
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(425.249.875.761)	(225.633.407.939)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	175.180.010.000	5.026.752.664
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	889.933.529.184	200.319.007.549
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(288.821.703.416)	(78.806.950.429)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.418.348.114)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(63.248.800.309)	(27.895.733.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	710.624.687.345	98.643.076.451
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	199.631.724.643	14.690.613.283
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.102.914.691	42.357.493.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ hối đoái giá quy đổi ngoại tệ	61	151.251.459	54.808.192
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	256.885.890.793	57.102.914.691

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 120.556.346.654 VND (năm 2010: 24.043.186.182 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3500834094, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 11 năm 2011.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 375.180.010.000 VND, được chia thành 37.518.001 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các chi nhánh sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 1
- Xí nghiệp Xây lắp 2
- Xí nghiệp Xây lắp 3
- Xí nghiệp Cảng
- Trung tâm Thiết kế và Triển khai Dự án

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.440 (31 tháng 12 năm 2010: 1.145).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khảo sát thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Xây dựng công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền); xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển; xây dựng đô thị, kinh doanh văn phòng;
- Đóng tàu, đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;
- Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí;
- Kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển, xây dựng các khu công nghiệp;
- Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt do nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 33.651.520.054 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 166.763.870.631 VND) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2011 là (85.743.086.941) VND. Việc thiếu hụt vốn lưu động sẽ ảnh hưởng tới khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào dòng tiền và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trả, và tiếp tục thực hiện các giải pháp để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong tương lai. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính cần phải được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Các báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các kết quả phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 28.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>2011</u> Số năm
Phương tiện vận tải	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng 1.218 m² đất lâu dài và 307,6 m² đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m² đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê hạ tầng, lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình với số tiền 107.135.643.174 VND, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 6.580.700.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 3 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 3 năm là phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.280.080.393	1.418.201.078
Tiền gửi ngân hàng	66.377.983.941	35.584.713.613
Các khoản tương đương tiền (*)	187.227.826.459	20.100.000.000
	<u>256.885.890.793</u>	<u>57.102.914.691</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi của Công ty có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng.

6. HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
Khoản phải thu từ khách hàng của hợp đồng đã bao gồm trong khoản phải thu người bán và phải thu khác	88.232.978.632	4.663.005.235
	<u>88.232.978.632</u>	<u>4.663.005.235</u>
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	353.610.457.829	103.290.989.534
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	265.377.479.197	98.627.984.299
	<u>88.232.978.632</u>	<u>4.663.005.235</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chủ yếu là khoản phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas), với số tiền là 80 tỷ đồng. Đây là khoản Công ty còn phải thu PVGas tiền chuyển quyền sở hữu 10 triệu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PVPIPE) cho PVGas theo Hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần số 298/2011/PVGAS/TC-PVCM/D4 ngày 07 tháng 11 năm 2011.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	513.621.178	851.063.070
Công cụ, dụng cụ	1.400.506.231	1.513.581.262
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.097.730.448	46.455.162.881
Hàng hóa bất động sản (*)	56.261.958.583	-
Cộng	<u>120.273.816.440</u>	<u>48.819.807.213</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>120.273.816.440</u>	<u>48.819.807.213</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư hàng hóa bất động sản thể hiện nguyên giá của các căn hộ chung cư chờ bán nằm trong Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại ngày báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, giá gốc của hàng hóa bất động sản thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được nên không trích lập dự phòng giảm giá cho hàng hóa bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	2.548.568.243	1.386.612.624
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000	2.325.000.000
	2.548.868.243	3.711.612.624

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	3.394.058.332	49.267.145.206	30.012.480.556	6.857.816.689	89.531.500.783
Đầu tư, mua sắm mới trong năm	1.892.500.000	77.448.087.575	21.018.239.092	7.082.275.915	107.441.102.582
Tạm tăng từ công trình xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	612.717.639.841	-	-	-	612.717.639.841
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(669.322.756)	(669.322.756)
Tại ngày 31/12/2011	618.004.198.173	126.715.232.781	51.030.719.648	13.270.769.848	809.020.920.450
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	864.008.218	30.418.450.046	6.078.475.590	3.352.607.246	40.713.541.100
Khấu hao trong năm	2.314.190.524	8.057.940.175	7.377.143.763	2.292.687.124	20.041.961.586
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(669.322.756)	(669.322.756)
Tại ngày 31/12/2011	3.178.198.742	38.476.390.221	13.455.619.353	4.975.971.614	60.086.179.930
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	614.825.999.431	88.238.842.560	37.575.100.295	8.294.798.234	748.934.740.520
Tại ngày 31/12/2010	2.530.050.114	18.848.695.160	23.934.004.966	3.505.209.443	48.817.959.683

(*) Trong năm 2011, Công ty có 2 dự án xây dựng cơ bản đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán sau:

- Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nguyên giá tạm tính là 531.281.405.281 VND (trong đó, chi phí lãi vay năm 2011 được vốn hóa là 16.266.016.395 VND; lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16.266.016.395 VND), được đưa vào sử dụng vào ngày 30 tháng 11 năm 2011.

- Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nguyên giá tạm tính là 81.436.234.560 VND (trong đó, chi phí lãi vay năm 2011 được vốn hóa là 8.582.141.230 VND; lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 9.257.956.578 VND), được đưa vào sử dụng vào ngày 30 tháng 7 năm 2011.

Ban Giám đốc Công ty tạm tính nguyên giá của 2 dự án này trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được phê duyệt sau này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 17.625.566.056 VND (31 tháng 12 năm 2010: 2.940.232.957 VND).

Như trình bày ở thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 81.436.234.560 VND (31 tháng 12 năm 2010: giá trị dở dang (do chưa tạm tăng tài sản cố định) là 80.982.673.793 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	-	-
Thuê tài chính trong năm	8.988.130.793	8.988.130.793
Tại ngày 31/12/2011	8.988.130.793	8.988.130.793
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	-	-
Khấu hao trong năm	897.600.999	897.600.999
Tại ngày 31/12/2011	897.600.999	897.600.999
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	8.090.529.794	8.090.529.794
Tại ngày 31/12/2010	-	-

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	16.244.034.715	181.272.000	16.425.306.715
Mua sắm mới trong năm	-	1.803.600.677	1.803.600.677
Tại ngày 31/12/2011	16.244.034.715	1.984.872.677	18.228.907.392
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	403.543.066	4.934.627	408.477.693
Khấu hao trong năm	353.368.270	497.401.177	850.769.447
Tại ngày 31/12/2011	756.911.336	502.335.804	1.259.247.140
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	15.487.123.379	1.482.536.873	16.969.660.252
Tại ngày 31/12/2010	15.840.491.649	176.337.373	16.016.829.022

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang	96.552.079	100.456.617.762
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	80.982.673.793
- Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	2.049.575.639
- Khu công nghiệp và dịch vụ dầu khí tại khu Công nghiệp Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang	-	1.679.280.954
- Mua sắm tài sản cố định và khác	96.552.079	15.745.087.376

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn vào các công ty sau:

	<u>Số tiền góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
	VND	tại 31/12/2011
		%
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	50.000.000.000	10%
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (*)	5.000.000.000	1%
	55.000.000.000	

(*) Công ty cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần khách sạn Dầu khí Lam Kinh với số tiền 20.000.000.000 VND, tương đương 4% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty mới thực hiện góp 5.000.000.000 VND, tương đương 1% vốn điều lệ.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng rằng, vốn góp thực tế của các cổ đông vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh vẫn thấp hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của các Công ty này, nên không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (*)	104.317.229.973	129.614.357.541
Lợi thế kinh doanh	2.376.363.889	4.569.930.556
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	10.594.731.218	1.146.630.192
	117.288.325.080	135.330.918.289

(*) Theo Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 9 tháng 8 năm 2010 được Công ty ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, giá trị thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai - Bến Đình tạm tính là 130.394.464.204 VND. Trong năm 2011, theo quyết toán thực tế, giá thuê chỉ là 107.135.643.174 VND, chênh lệch với số tạm tính 23.258.821.030 VND đã được Công ty điều chỉnh giảm chi phí trả trước dài hạn trong năm 2011. Giá trị thuê hạ tầng bãi cảng này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm:

	<u>Chi phí phải trả và</u>	<u>Loại trừ lợi nhuận</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>các khoản dự phòng</u>	<u>chưa thực hiện trong</u>	
	<u>khác</u>	<u>hàng tồn kho cuối năm</u>	
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	383.664.312	516.562.808	900.227.120
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(334.238.630)	(516.562.808)	(850.801.438)
Tại ngày 31/12/2011	49.425.682	-	49.425.682

Một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	49.425.682	900.227.120
	49.425.682	900.227.120

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	85.471.501.040	95.724.546.209
Nợ dài hạn đến hạn trả	202.338.184.000	5.690.312.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.499.993.244	-
	<u>289.309.678.284</u>	<u>101.414.858.209</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư vay ngắn hạn bao gồm các khoản sau:

- (i) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 08/2011/HDTDHM-TCDK-CNV.TD ngày 14 tháng 4 năm 2011. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất ngắn hạn do bên PVFC công bố tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong năm 2011, lãi suất thay đổi từ 19,8%/năm đến 21%/năm).
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 0005/HDTD2 - VIB622/11 ngày 05 tháng 01 năm 2011. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 51.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng, đáo hạn vào ngày 05 tháng 01 năm 2012. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong năm 2011, lãi suất thay đổi từ 17%/năm đến 21,5%/năm).
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 236/2011/TD-MB-VTA ngày 01 tháng 9 năm 2011. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng, đáo hạn vào ngày 01 tháng 9 năm 2012. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong năm 2011, lãi suất của khoản vay này là 19,2%/năm).

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.607.344.480	16.842.231.788
Thuế thu nhập cá nhân	2.866.591.676	1.528.859.213
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.843.075.566	-
Thuế khác	1.006.559.992	-
	<u>17.323.571.714</u>	<u>18.371.091.001</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước liên quan tới TSCĐ tạm tăng	110.841.480.640	-
Chi phí trích trước của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	46.287.335.051	7.867.312.344
Chi phí lãi vay dự trả	18.128.643.936	83.098.075
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	103.612.260	103.612.260
Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai - Bến Đình	-	50.289.662.714
	<u>175.361.071.887</u>	<u>58.343.685.393</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	439.816.081.748	25.099.082.811
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	320.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	78.038.996.561	9.533.445.624
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	10.377.085.187	15.565.637.187
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	31.400.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (v)	5.832.516.707	-
	<u>445.648.598.455</u>	<u>25.099.082.811</u>

Vay dài hạn thể hiện:

- (i) Tại ngày 26 tháng 6 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 083/HDTD1-OCEANBANK.790-PVCMs với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay tối đa không quá 3 năm. Khoản vay được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án xây dựng Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 480.000.000.000 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong năm 2012 là 160.000.000.000 VND.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 7 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0199/HDTD2-VIB622/10 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 80.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng khế ước vay, thời hạn vay trong 6 năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là công trình Khu phức hợp chung cư và cao ốc văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu để thế chấp cho khoản vay này. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 75.999.962.000 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong năm 2012 là 15.999.922.000 VND.
- Tại ngày 05 tháng 01 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0006/HDTD2-VIB622/11 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 29.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng khế ước vay, thời hạn vay trong 6 năm và được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 23.588.666.561 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong năm 2012 là 5.549.640.000 VND.
- (iii) Tại ngày 08 tháng 10 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 27/2009/HDTDTH-TCĐK.CNVT.TD với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 31.155.520.000 VND. Khoản vay này được Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bảo lãnh, thời hạn vay trong 5 năm, lãi suất thả nổi, được quy định theo từng khế ước vay. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 15.565.637.187 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong năm 2012 là 5.188.552.000 VND.
- (iv) Tại ngày 03 tháng 11 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 264/11/HDTDTH/DH với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay 47.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 36 tháng. Công ty sử dụng 2 xe cầu bánh xích mới mua trong năm 2011 với nguyên giá 73.851.390.000 VND để thế chấp cho khoản vay này. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 47.000.000.000 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong năm 2012 là 15.600.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	202.338.184.000	5.690.312.000
Trong năm thứ hai	202.338.184.000	7.195.592.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	237.477.897.748	16.398.205.187
Sau năm năm	-	1.505.285.624
	<u>642.154.265.748</u>	<u>30.789.394.811</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	202.338.184.000	5.690.312.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>439.816.081.748</u>	<u>25.099.082.811</u>

- (v) Số dư nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền 5.832.516.707 VND thể hiện các khoản nợ thuê 07 xe ô tô dài hạn của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Công ty trả trước cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) cụ thể theo từng hợp đồng thuê (từ 16,5%/năm đến 17,5%/năm). Sau đó, lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.499.993.244	-
Trong năm thứ hai	1.536.452.178	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.296.064.529	-
	<u>7.332.509.951</u>	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.499.993.244	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.832.516.707</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	86.307.700.000	-	-	207.036.550
Nhận vốn góp từ các cổ đông	113.692.300.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	87.734.645.067
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(27.895.733.333)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.064.020.975)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	200.000.000.000	-	-	58.981.927.309
Nhận vốn góp từ các cổ đông (i)	175.180.010.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	108.487.596.096
Phân phối quỹ (ii)	-	17.588.336.323	4.397.084.080	(21.985.420.403)
Chia cổ tức trong năm (ii)	-	-	-	(68.381.268.167)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(8.609.564.001)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	375.180.010.000	17.588.336.323	4.397.084.080	68.493.270.834

- (i) Trong năm, Công ty đã thực hiện chào bán 30.000.000 cổ phiếu phổ thông theo Giấy chứng nhận chào bán Cổ phiếu ra công chúng số 08/GCN-UBCK ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã hoàn tất thủ tục chào bán bổ sung 17.518.001 cổ phiếu ra công chúng với giá là 10.000 VND/cổ phiếu.
- (ii) Theo Nghị quyết số 60/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2010, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	17.588.336.323 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính:	4.397.084.080 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	9.673.584.976 VND
- Chia cổ tức:	40.000.000.000 VND

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thực hiện tạm chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông với số tiền là 27.895.733.333 VND. Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức còn lại của năm 2010 cho các cổ đông với số tiền là 12.104.266.667 VND.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.064.020.975 VND. Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bổ sung từ lợi nhuận của năm 2010 với số tiền là 8.609.564.001 VND.

Theo Nghị quyết số 183/NQ-KCKL-HĐQT ngày 5 tháng 9 năm 2011 Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2011 cho các cổ đông bằng 10% vốn điều lệ tương đương 37.518.001.000 VND.

Theo Nghị quyết số 224/NQ-KCKL-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2011 Công ty tạm chia cổ tức đợt 2 năm 2011 cho các cổ đông bằng 5% vốn điều lệ tương đương 18.759.000.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 11 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 375.180.010.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	204.000.000.000	54	204.000.000.000	102.000.000.000
Các cổ đông khác	171.180.010.000	46	171.180.010.000	98.000.000.000
	375.180.010.000	100	375.180.010.000	200.000.000.000

22. DOANH THU

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	903.698.688.311	481.483.592.538
Doanh thu kinh doanh bất động sản	92.720.369.430	-
Doanh thu bán vật tư	57.038.808.859	-
Doanh thu hoạt động khác	4.064.941.397	7.810.871.775
	1.057.522.807.997	489.294.464.313

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	701.122.069.738	322.026.050.531
Giá vốn kinh doanh bất động sản	92.720.369.430	-
Giá vốn bán vật tư	56.415.448.779	-
Giá vốn hoạt động khác	2.924.031.100	7.029.192.402
	853.181.919.047	329.055.242.933

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	147.770.979.940	117.247.247.837
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	5.959.349.683	2.018.543.623
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	5.959.349.683	2.018.543.623
Thu nhập chịu thuế	153.730.329.623	119.265.791.460
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.432.582.406	29.816.447.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.432.582.406	29.816.447.865

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	108.487.596.096	87.734.645.067
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.214.948	18.660.611
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.713</u>	<u>4.702</u>

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Theo Nghị quyết số 60/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua tổng giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, bất động sản và máy móc thiết bị dự kiến trong năm 2012 là 700 tỷ đồng.

Theo Quyết định số 241/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PVPIPE) với số tiền 80 tỷ đồng từ nguồn chuyên nhượng cổ phần của PVPIPE cho Tổng Công ty khí Việt Nam (PVGas).

Công ty cũng đồng ý để PVGas thay mặt Công ty nộp số tiền 80 tỷ đồng này vào tài khoản của PVPIPE để thực hiện góp vốn mua cổ phần trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 1.300 tỷ đồng theo thông báo của PVPIPE. Số tiền 80 tỷ đồng góp vốn này được xem là khoản PVGas thanh toán tiền mua cổ phần PVPIPE cho Công ty.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.281.937.058	1.175.857.615

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện:

Khoản thuê cơ sở hạ tầng nằm trong khu đất quy hoạch Khu căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình với diện tích khoảng 23 hecta của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 9 tháng 8 năm 2010. Thời gian thuê là 49 năm kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng, giá thuê theo quyết toán là 107.135.643.174 VND (chưa bao gồm thuế GTGT).

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	256.885.890.793	57.102.914.691
Phải thu khách hàng và phải thu khác	301.774.845.663	32.371.226.394
Đầu tư ngắn hạn	-	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	55.000.000.000	-
Tổng cộng	613.660.736.456	99.474.141.085
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	727.625.766.788	126.513.941.020
Phải trả người bán và phải trả khác	153.250.839.004	54.882.128.264
Chi phí phải trả	175.361.071.887	58.343.685.393
Nợ thuê tài chính	7.332.509.951	-
Tổng cộng	1.063.570.187.630	239.739.754.677

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô La Mỹ (USD)</i>	49.587.523.875	-	90.901.632.316	441.382.240
<i>Yên Nhật (JPY)</i>	1.305.462.412	-	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 29.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Các khoản vay	287.809.685.040	439.816.081.748	727.625.766.788
Phải trả người bán và phải trả khác	153.250.839.004	-	153.250.839.004
Chi phí phải trả	175.361.071.887	-	175.361.071.887
Nợ thuê tài chính	1.499.993.244	5.832.516.707	7.332.509.951
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Các khoản vay	101.414.858.209	25.099.082.811	126.513.941.020
Phải trả người bán và phải trả khác	54.882.128.264	-	54.882.128.264
Chi phí phải trả	58.343.685.393	-	58.343.685.393

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	256.885.890.793	-	256.885.890.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	301.774.845.663	-	301.774.845.663
Đầu tư dài hạn	-	55.000.000.000	55.000.000.000
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.102.914.691	-	57.102.914.691
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.371.226.394	-	32.371.226.394
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	427.596.518.890	379.567.187.987
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	62.443.312.359	16.712.574.461
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	36.157.265.716	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10.942.803.798	2.099.280.923
Ban Điều hành dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2	5.093.051.222	75.510.747.818
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	657.668.258	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	489.914.810	198.813.802
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	93.319.121	103.860.175
Ban Điều hành dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	4.776.855.210
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	2.179.867.739
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	-	1.835.560.506
Mua hàng		
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí	48.278.367.743	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	28.301.391.047	88.115.281.639
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí	17.428.814.950	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	9.988.261.577	4.783.507.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Dầu khí	5.941.875.604	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	5.114.714.000	-
Công ty TNHH Công Đoàn Dầu Khí Việt Xô	3.414.572.800	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ kiểm tra không phá hủy Dầu khí	2.819.526.666	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	1.823.222.956	2.093.598.563
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	1.529.648.997	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.293.803.146	-
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	1.844.944.956	-
Thuê thi công các công trình xây lắp		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	246.023.480.876	80.426.319.622
Công ty Cổ phần Thi công Cơ Giới & lắp máy Dầu khí	135.565.150.580	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	11.469.244.986	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	9.852.395.858	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5.991.270.545	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	3.378.890.146	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2.311.089.428	33.392.150
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	16.367.538.101
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	-	3.903.486.417
Các chi phí dịch vụ khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	2.104.607.303	1.013.689.038
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	589.978.610	636.090.740
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	504.489.417	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	497.620.638	2.163.853.448
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	143.359.091	-
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	14.133.974.677	5.732.783.420
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương	4.450.194.239	2.849.368.396
Tiền thưởng	479.952.906	179.191.667
Cổ tức đã trả cho các cổ đông	63.248.800.309	27.895.733.333

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	10.599.377.586	-
Ban điều hành Dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2	5.924.614.721	12.653.712.545
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	4.204.479.404	3.738.377.506
Ban điều hành dự án 5B-Cảng sản xuất Nhà máy lọc dầu Dung Quất	3.919.952.437	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và lắp máy Dầu khí	696.430.200	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	429.509.373	50.056.023
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	246.764.917	2.828.648.730
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Trung	192.300.573	114.246.192
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	2.577.737.580
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	80.000.000.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	42.222.222	-
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Trung	2.644.925.650	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư và Thiết kế Dầu Khí	1.888.638.604	369.321.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	1.024.723.492	647.189.538
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	26.934.993.937	10.670.594.445
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	12.733.447.001	-
Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí	11.537.181.840	-
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí	4.325.126.762	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	2.931.137.672	-
XN Xăng dầu dầu khí Vũng Tàu - Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Đông	2.519.783.730	468.312.550
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Kiểm tra không phá hủy Dầu khí	1.085.848.698	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	438.416.275	7.252.138.519
Công ty TNHH Công Đoàn Dầu khí Việt Xô	209.715.000	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	138.175.650	11.565.259.687
Công ty Cổ phần Sản xuất & Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	120.253.760	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	19.406.969	-
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	28.943.334.224	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	20.000.000.000	10.000.000.000
Vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu		
- Vay ngắn hạn	51.712.006.411	25.705.379.487
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5.188.552.000	5.188.552.000
- Vay dài hạn	10.377.085.187	15.565.637.187
Cổ tức phải trả cho các cổ đông		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.100.000.000	-
Các cổ đông khác	32.467.858	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng

